



SƠN PHỦ EXT BENZO

EXT BENZO TOPCOAT

ĐẶC TÍNH FEATURES

Là loại sơn Polyurethane 2 thành phần có gốc từ nhựa acrylic polyol-A đóng rắn với Poly-isocyanate-B trong công thức đặc biệt nên sơn có độ dẻo dai, bám dính tuyệt vời trên sắt, thép mạ kẽm, chuyên dùng ngoài trời, chịu thời tiết, kháng ngả vàng.

This is a two-component polyurethane coating derived from acrylic polyol-A resin combined with Poly-isocyanate-B, the coating with special formula has toughness with its excellent adhesion on the galvanizing iron substrate. It's specialized use for exterior, weathering & yellowing resistance.

CÔNG DỤNG USAGE

Có thể sử dụng trực tiếp lên bề mặt sắt, thép mạ kẽm mà không cần sơn lót (khuyến cáo 2 lớp, $DFT \geq 80\mu m$) hoặc dùng làm lớp sơn phủ bảo vệ và trang trí trên bề mặt kim loại đã sơn lót phù hợp với mục đích lâu dài ngoài trời trong điều kiện khắc nghiệt cho kết cấu thép, bê tông nhà xưởng, máy móc, cầu tháp, tàu thuyền,... Sản phẩm sử dụng trong môi trường khí quyển (không ngập nước).

Can be used directly on iron and galvanized steel surfaces without primer (2 layers recommended, $DFT \geq 80\mu m$) or used as a protective and decorative coating on primed metal surfaces suitable for long-term purposes. outdoors in harsh conditions for steel structures, concrete factories, machinery, tower bridges, and ships,... Product used in atmospheric environment (non-immersion).

MÀU SẮC COLORS

Bảng màu của Benzo, mã sản phẩm: EXT - ***.

*Color catalogue of Benzo, product code: EXT - ****

THÔNG SỐ SẢN PHẨM SPECIFICATION

Thể tích chất rắn/Volume Solid: $50 \pm 2 \%$

Tỷ trọng (hỗn hợp)/Density(mix) : 1.0 - 1.4 kg/l

Các giá trị trên là giá trị cho những sản phẩm tiêu biểu, có thể thay đổi theo màu sắc.

The above values are for typical products, subject to change by color.

CHUẨN BỊ BỀ MẶT SURFACE PREPARATION

Bề mặt cần sơn phải được xử lý sạch và khô, không còn dầu mỡ, bụi bẩn tạp chất.

The metal surfaces must be clean, dry and free of oils, rust and other contamination.

DỤNG CỤ SƠN EQUIPMENTS

Súng phun yểm khí/Airless spray:

- Áp suất phun/Pressure at nozzle: 100 – 150 kg/cm²
- Cỡ béc/Nozzle tip (inch/1000): 11 – 15
(phụ thuộc độ dày yêu cầu/depends on dry film thickness)
- Khoảng cách từ súng phun sơn đến cấu kiện cần sơn khoảng 0.4m

The distance between nozzle and substrate is approximate 0.4m

Có thể dùng: Cọ quét, con lăn cho trường hợp dặm vá, diện tích nhỏ cần cẩn thận để đạt độ dày.

Can be used: Brush, roller for patching, small areas need to be careful to achieve thickness

TỶ LỆ PHA
MIXING RATIO

Khuấy, quậy đều phần A và phần B (đóng rắn) theo tỷ lệ 8:1 theo thể tích.
Stirred well component A and component B (hardener) by volume 8:1

CHẤT PHA LOÃNG
THINNER

Chất pha loãng N809 Benzo, tỷ lệ pha loãng 5% - 15% theo thể tích.
Thinner N809 Benzo, 5% - 15% by volume.

THỜI GIAN SỬ DỤNG
TIME FOR USING

Trong vòng 5 giờ ở 30°C kể từ khi pha sơn.
Within 5 hours at 30°C from mixing paint.

ĐỘ DÀY MÀNG SƠN⁽¹⁾
FILM THICKNESS

Yêu cầu thi công <i>Construction requirements</i>	Độ dày ướt/WFT	Độ dày khô/DFT
Sơn bóng <i>Gloss</i>	100 – 110 µm	40 - 50 µm
Sơn BM <i>Semi-gloss</i>	110 – 125 µm	50 - 60 µm

ĐỘ CHE PHỦ⁽¹⁾
COVERAGE

Độ phủ lý thuyết/*Theoretical coverage: 8.0 – 12.0 m²/l*

⁽¹⁾ Có thể thay đổi dựa trên đặc tính bề mặt, điều kiện môi trường, phương pháp sơn, độ dày sơn, và những yếu tố khác.

It can vary depending on surface characteristics, environmental conditions, painting method, paint thickness, and other factors.

Nhiệt độ bề mặt
Substrate temperature

15°C

30°C

40°C

Khô bề mặt, giờ
Touch dry, hours

6

3

2

Khô để đi lên được
(tối thiểu, giờ)
Walk-on-dry, minimum

12

6

4

Khô để sơn lớp kế tiếp
(tối thiểu, giờ)
Dry to over coat, min, hours

8

4

3

Khô hoàn toàn, ngày
Full dry, days

12

7

5

⁽²⁾ Bảng thông số được xác định tại DFT 50 ± 5 µm, thông gió. Thời gian khô sẽ bị ảnh hưởng bởi các yếu tố môi trường như nhiệt độ, độ ẩm, cũng như độ dày thi công.

The specification table is determined at a DFT of 50 ± 5 µm, with ventilation. The drying time will be influenced by environmental factors such as temperature, humidity, as well as the thickness of the application.

BAO BÌ
PACKAGING

Bộ 17.5 lít : Phần A (Base) + Phần B (Hardener)

Set 17.5 litter: Comp A (Base) + Comp B (Hardener)

Bộ 5 lít : Phần A (Base) + Phần B (Hardener)

Set 5 litter: Comp A (Base) + Comp (Hardener)

HẠN BẢO QUẢN
STORAGE PERIOD

Sử dụng tốt nhất trong 12 tháng

Using within 12 months for best quality

CHÚ Ý QUAN TRỌNG
IMPORTANT NOTE

Thông tin trong bảng thông số kỹ thuật sản phẩm dựa trên kiến thức và kinh nghiệm thực tế tốt nhất của nhà sản xuất. Tuy nhiên, do sản phẩm thường được sử dụng ngoài tầm kiểm soát của chúng tôi, chúng tôi chỉ có thể đảm bảo chất lượng vốn có của sản phẩm. Nhà sản xuất có quyền thay đổi các thông số mà không cần thông báo trước.

The information in the Technical Data Sheet is the best of knowledge from the Manufacturer give by testing and practical application. However, in the practice, the product is used out of our control, therefore we can only guarantee the inherent quality of the products. The manufacturer has the prerogative to change any specification without notice.

Bảng thông số kỹ thuật nên được tham khảo cùng với sự hướng dẫn của nhân viên kỹ thuật của nhà sản xuất. Mọi chi tiết xin vui lòng truy cập trang web của chúng tôi: sonbenzo.com

This specification sheet should be consulted in conjunction with the guidance of technical personnel. For more information, please contact the website: sonbenzo.com

TTT ban hành ngày 01 tháng 11 năm 2024

TTT issued on Nov 01, 2024



BENZO[®]

Bảng dữ liệu kỹ thuật này thay thế cho bảng dữ liệu kỹ thuật ban hành ngày 31.10.2023

The technical data sheet replaces the one issued on 31.10.2023

Sản phẩm của CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - SẢN XUẤT TÂN TRƯỜNG THỊNH

62/1A đường Thới Tam Thôn 6, ấp 24, xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam